BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Kế toán (Accounting)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Mã ngành: **52 34 03 01**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên bậc cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược; biết tổ chức và điều hành công tác Kế toán tại hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các cơ quan tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng và tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

Sinh viên tốt nghiệp có:

- Lập trường chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- Hiểu biết về văn hóa – xã hội, kinh tế và pháp luật;
- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;
- Ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ;
- Đủ sức khỏe để làm việc.

1.2.2. Kiến thức

a. Kiến thức chung

Sau khi học xong chương trình này, người học sẽ đạt được:

- Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Hiểu biết cơ bản về pháp luật, luật kinh tế;
- Kiến thức cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội.

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

Sau khi học xong chương trình này, người học sẽ đạt được:

- Kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong quản lý kinh tế như: Thống kê kinh tế; Kinh tế lượng; Xác suất thống kê, Toán kinh tế; ... đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Hiểu biết cơ bản về lĩnh vực Phương pháp nghiên cứu kinh tế, Dự báo kinh tế; có khả năng phân tích hoạt động trong kinh doanh;
- Kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị; Marketing; Kiểm toán; Đàm phán kinh doanh; Quản trị tài chính; Quản trị doanh nghiệp…để bổ trợ cho công tác chuyên môn kế toán;
- Kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng để làm nền tảng nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành kế toán;
- Kiến thức sâu về các môn học kế toán chuyên ngành (Kế toán tài chính, Kế toán ngân hàng, Hệ thống thông tin Kế toán, Kiểm toán) , đủ khả năng thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế- xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.3. Kỹ năng

1.2.3.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Sau khi học xong chương trình, người học có khả năng:

- Thực hiện tất cả các phần hành kế toán tài chính;
- Thực hiện công việc hoạch định và tổ chức công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán, trợ lý kiểm toán tại công ty kiểm toán;
- Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán;
- Lập, đọc và phân tích Báo cáo tài chính, báo cáo thuế;
- Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính và công tác văn phòng.

1.2.3.2. Kỹ năng mềm

Sau khi kết thúc chương trình, người học sẽ đạt được những kỹ năng:

- Tiếp cận và hòa nhập với môi trường đại học một cách tốt nhất;
- Quản lý thời gian, xác định mục tiêu, lập kế hoạch, sắp xếp thứ tự ưu tiên giúp cho việc học, nghiên cứu và tham gia các hoạt động của trường hiệu quả nhất (kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, tìm kiếm tài liệu và đọc tài liệu);

- Học tập hiệu quả như: kỹ năng tư duy hệ thống, tự đánh giá và kiểm soát bản than, lắng nghe và ghi chép, viết tiểu luận;

- Sử dụng nguồn lực, giải quyết vấn đề và ra quyết định;

- Đàm phán và tiếp cận thị trường;

- Viết CV và phảng vấn xin việc;

- Khởi nghiệp, tiếp cận doanh nghiệp và hội nhập nhanh với tổ chức;

- Ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên ra trường có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc như sau:

- Kế toán tại các loại hình doanh nghiệp khác nhau và các tổ chức kinh tế xã hội khác;

- Làm chuyên viên tín dụng tại ngân hàng thương mại hoặc chuyên viên thuế ở cơ quan quản lý thuế;

- Tham gia một số hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về Kế toán, tài chính.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu ở các trình độ sau đại học, trong cũng như ngoài nước; Có khả năng tích lũy kinh nghiệm, chủ động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tế; Có khả năng học tập nâng cao trình độ để đảm nhận các nhiệm vụ về quản lý chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực có liên quan.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 133 tín chỉ (không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức Bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	**35**	**26.3**	**33**	**94.3**	**2**	**5.7**
• Kiến thức chung	19	54.3	19	57.6	-	-
• Khoa học xã hội và nhân văn	4	11.4	2	6.1	2	100
• Toán và khoa học tự nhiên	12	33.3	12	36.3	-	-
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**98**	**73.7**	**89**	**90.8**	**9**	**9.2**
• Kiến thức cơ sở ngành	38	38.8	32	36	6	66.7
• Kiến thức ngành	50	51	47	52.8	3	33.3
• Khóa luận TN hoặc tương đương	10	10.2	10	11.2	-	-
Cộng	**133**		**122**		**11**	

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ điều kiện sau đây đều có thể dự tuyển vào ngành Kế toán:

(1) Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(2) Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên Bộ Y Tế - Đại học, THCN & DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ GD&ĐT.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKG ngày 22/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

6. THANG ĐIỂM: tính theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4 điểm)

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết		Học phần Tiên quyết	Ghi chú
						LT	TH		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**35**	**33**	**2**				
1	A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2	2		30			
2	A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3	3		45		A05001	
3	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		A05002	
4	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	3		45		A05003	
5	A05005	Pháp luật đại cương	2	2		30			
6	A05013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2		2	30			
7	H05001	Sinh thái học môi trường	2			30			
8	A05014	Logic học đại cương	2			30			
9	F05010	Tiếng Anh 1	3	3		45			
10	F05011	Tiếng Anh 2	3	3		45		F05010	
11	F05012	Tiếng Anh 3	3	3		45		F05011	
12	A05026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45			
13	A05025	Toán kinh tế	4	4		60			
14	G05001	Tin học cơ sở	2	2		30			
15	G05002	TH. Tin học cơ sở	1	1			30	G05001	
16	G05003	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2		30		G05001	
17	A05008	Giáo dục thể chất 1	1	1			30		
18	A05009	Giáo dục thể chất 2	1	1			30	A05008	
19	A05010	Giáo dục thể chất 3	1	1			30	A05008	
20	A05006	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1	5	5		75			
21	A05007	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2	3	3			90	A05006	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**98**	**89**	**9**				
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			**38**	**32**	**6**				
22	B06001	Kinh tế vi mô	3	3		45			
23	B06002	Kinh tế vĩ mô	3	3		45			
24	B06008	Quản trị học	3	3		45			
25	B06003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		A05026	

26	B06016	Tài chính - tiền tệ	3	3		45			
27	B06005	Marketing căn bản	3	3		45			
28	B06004	Nguyên lý kế toán	3	3		45			
29	B06014	Thuế	3	3		45		B06004	
30	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3		45			
31	B06006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		45			
32	B06017	Tài chính doanh nghiệp	3	3		45		B06016	
33	B06009	Quản trị nguồn nhân lực	3		6	45		B06008	
34	B06010	Kinh tế lượng	3			45		B06003	
35	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3			45		B06003	
36	B26012	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3			45			
37	B26013	Thị trường chứng khoán	3			45			
II.2. Kiến thức chuyên ngành			**50**	**47**	**3**				
38	B07001	Kế toán tài chính 1	3	3		45		B06004	
39	B07002	Kế toán tài chính 2	3	3		45		B07001	
40	B07003	Kế toán tài chính 3	3	3		45		B07002	
41	B27004	Kế toán tài chính 4	3	3		45		B07003	
42	B07005	Kế toán chi phí	3	3		45		B27004	
43	B27021	Luật kế toán	2	2		45			
44	B07006	Kế toán quản trị	3	3		45		B06004	
45	B27007	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45			
46	B07008	Quản trị tài chính	3	3		45		B06017	
47	B07009	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2		30		B27004	
48	B07010	TH. Hệ thống thông tin kế toán 1	1	1			30	B07009	
49	B07011	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2		30		B07009 B07010	
50	B07012	TH. Hệ thống thông tin kế toán 2	1	1			30	B07011	
51	B07013	Hệ thống thông tin kế toán 3	2	2		30		B07011 B07012	
52	B07014	TH. Hệ thống thông tin kế toán 3	1	1			30	B07013	
53	B07015	Kiểm toán căn bản	3	3		45		B27004	
54	B07016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	3		45		B27004	

55	B27017	Chuyên đề kế toán thuế và BC tài chính (LT)	1	1		15		B06014	
56	B27018	Chuyên đề kế toán thuế và BC tài chính (TH)	1	1			30	B27017	
57	B27019	Định giá trị doanh nghiệp	3		3	45		B06017	
58	B27020	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			45			
59	B07022	Thực tập ngành nghề	4	4			180		
II.3. Kiến thức tốt nghiệp			**10**	10					
60	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	10					
		Hoặc							
61	B08003	Kế toán hành chính sự nghiệp	3		10	45		B06004	
62	B28004	Kế toán quốc tế	2			45		B06004	
63	B08005	Kế toán ngân hàng	2			45		B06004	
64	B28006	Kiểm toán nâng cao	3			45		B07015	

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo đào tạo đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKG ngày 20/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 133 tín chỉ được phân bố trong 8 học kỳ. Chương trình được biên soạn theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ khung chương trình đào tạo, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình.

Các học phần nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp sẽ được áp dụng phương pháp đánh giá theo qui chế hiện hành, theo hướng áp dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá tiên tiến.

Sinh viên tuỳ theo tính chất đặc thù của ngành học, tuỳ theo năng lực, sở trường của mình để sắp xếp bố trí tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm và đạt theo qui định.

Nội dung kiến thức giảng dạy Tiếng anh trong chương trình đào tạo có trình độ tương đương A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng của Việt Nam), do đó sinh viên sắp xếp thời giant ham gia học thêm kiến thức để đạt trình độ B1 để tốt

nghiệp ra trường.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh những học phần không nằm trong quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và đất nước.

Ngày ... tháng ... năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	HỘI ĐỒNG KH & ĐT	KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
HIỆU TRƯỞNG	P. CHỦ TỊCH	TRƯỞNG KHOA
Thái Thành Lượm	TS.Trương Minh Chuẩn	Đặng Thanh Sơn